

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2020/DS-PT

Ngày: 24-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ  
và Bồi thường thiệt hại ngoài hợp  
đồng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Ngọc Yến

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Thu

Bà Trịnh Thị Phúc

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Vĩnh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Cẩm Chi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 300/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ + Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 354/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Một thành viên TT (gọi tắt là Công ty TT).

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Trần Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp HT, xã HTĐ, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp HT, xã HTĐ, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 09/10/2019).

- *Bị đơn có yêu cầu phản tố:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1966.

Bà Phùng Thị Cẩm V, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: ấp G, xã HTT, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Phùng Thị Cẩm V: Ông Trần Văn T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp G, xã HTT, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 13/8/2020).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Văn T.

*(Bà Thu L, ông T có mặt tại phiên tòa).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 04/9/2019 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, đại diện nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên TT do bà Nguyễn Thị Thu L trình bày:*

Theo quyết định số 3537/QĐ-UBND ngày 28/7/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh thành lập trạm bơm điện ấp T, NK, Giồng Dung, xã Hậu Thạnh Tây (gọi tắt là trạm bơm điện 2000 Bắc) bà là chủ đầu tư, Phó Ban điều hành trạm bơm. Ông Trần Văn T và bà Phùng Thị Cẩm V có hợp đồng dịch vụ bơm nước tưới tiêu trên diện tích đất 21.483m<sup>2</sup>, tiền bơm nước từ năm 2012 đến năm 2019 là 38.367.349 đồng nhưng đến nay ông T, bà V vẫn không thanh toán tiền cho Công ty TNHH Một thành viên TT.

Công ty TNHH Một thành viên TT yêu cầu ông Trần Văn T và bà Phùng Thị Cẩm V thanh toán số tiền 38.367.349 đồng cho công ty. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, Công ty TNHH Một thành viên TT không đồng ý bồi thường số tiền 64.900.000 đồng cho ông T, bà V vì Công ty TNHH Một thành viên TT không có gây thiệt hại cho ông T, bà V.

*Tại bản tường trình ngày 14/10/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn T và bà Phùng Thị Cẩm V trình bày:*

Ông bà thừa nhận có diện tích đất 21.843m<sup>2</sup> như lời trình bày của bà L và còn nợ tiền bơm nước của Công ty TNHH Một thành viên TT từ năm 2012 đến năm 2019, số tiền là 38.367.349 đồng. Lý do vợ chồng ông không đóng tiền bơm nước vì lúc đầu vợ chồng ông không ký tên vào hợp đồng vô đề bao khép kín. Do vợ chồng ông có chiếc xuồng 38 tấn đi mua lúa nên sợ vô ra không được, nhưng các nhà đầu tư nói làm đập 4,2m trở lên nhưng không đúng quy định nên xuồng không vô đập về nhà được, vợ chồng ông phải đậu xuồng ngoài đập Kênh Cò. Vì nhà xa không có người trông giữ nên bị mất cắp 02 cái bình điện 150 AB và 60 lít dầu chạy máy, một số đồ dụng cụ máy.

Khi Công ty mở đập thì vợ chồng ông có đem xuồng về được đến nhà, nhưng khi đóng đập thì chủ đầu tư không cho vợ chồng ông hay để đem xuồng ra. Đến khi mua lúa, vợ chồng ông có gọi điện thoại cho Ban quản lý mở đề bao giùm nhưng không được. Ông bà có điện thoại cho ông T, bà L thì bà L nói đập không mở được, mướn ghe khác sau này sẽ tính. Nhưng vì cận ngày nên không mướn

xuống được, ông bà bị trễ hợp đồng cho nên bị mất tiền cọc 40.000.000 đồng. Ngoài ra còn mất 07 hợp đồng chở lúa mướn, một chuyến 3.000.000 đồng thành tiền 21.000.000 đồng; tiền 02 cái bình bị mất là 3.000.000 đồng; 60 lít dầu là 900.000 đồng. Tổng số tiền ông bà yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên TT bồi thường là 64.900.000 đồng.

Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng kết quả không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 288, 357, 513, 515, 518, 519 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên TT.

2. Bác yêu cầu phản tố của ông Trần Văn T và bà Phùng Thị Cẩm V đối với số tiền bồi thường thiệt hại là 64.900.000 đồng.

3. Buộc ông Trần Văn T và bà Phùng Thị Cẩm V liên đới hoàn trả cho Công ty TNHH Một thành viên TT tổng số tiền là 38.367.349 đồng.

4. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi 10%/năm của số tiền còn phải thi hành án tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Trần Văn T và bà Phùng Thị Cẩm V phải chịu 5.163.567 đồng, được khấu trừ 1.622.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000703 ngày 24/12/2019, ông T và bà V nộp tiếp 3.541.067 đồng sung ngân sách nhà nước.

Ông Trần Văn T không phải chịu án phí nên được hoàn trả 939.183 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0000672 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/5/2020 bị đơn ông Trần Văn T kháng cáo không đồng ý trả cho Công ty TNHH Một thành viên TT số tiền là 38.367.349 đồng. Ông T chỉ đồng ý trả cho Công ty TNHH Một thành viên TT số tiền trên khi nào Công ty TT bồi thường cho ông số tiền 64.900.000 đồng theo đơn yêu cầu phản tố của ông T, bà V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T, bà V thanh toán số tiền 38.367.349 đồng cho Công ty TNHH Một thành viên TT. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông T và bà V, số tiền 64.900.000 đồng, Công ty TT không đồng ý vì không có gây thiệt hại cho ông T, bà V. Bị đơn ông Trần Văn T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo chỉ đồng ý trả cho Công ty TNHH Một thành viên TT số tiền là 38.367.349 đồng khi nào Công ty TNHH Một thành viên TT bồi thường cho ông số tiền 64.900.000 đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 38.367.349 đồng. Bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 64.900.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh có thiệt hại xảy ra, nguyên đơn không đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Văn T được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Phùng Thị Cẩm V vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng đã có văn bản ủy quyền cho ông Trần Văn T tham gia tố tụng.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH một thành viên TT khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” đối với ông Trần Văn T, bà Phùng Thị Cẩm V. Bị đơn ông Trần Văn T, bà Phùng Thị Cẩm V có đơn yêu cầu phản tố “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” đối với Công ty TNHH một thành viên TT. Nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú và hiện nay đang sinh sống tại huyện Tân Thạnh nên Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T thấy rằng:

[4.1] Các đương sự đều trình bày thống nhất, Công ty TNHH một thành viên TT có hợp đồng dịch vụ bơm nước tưới tiêu trên diện tích đất 21.483m<sup>2</sup> của ông T, bà V. Tiền bơm nước từ năm 2012 đến năm 2019 là 38.367.349 đồng nhưng đến nay ông T, bà V vẫn không thanh toán tiền cho Công ty TNHH Một thành viên TT nên Công ty TT khởi kiện. Ông T và bà V thừa nhận có diện tích đất 21.843m<sup>2</sup> và còn nợ tiền bơm nước của Công ty TNHH Một thành viên TT từ năm 2012 đến năm 2019, số tiền là 38.367.349 đồng như lời trình bày của bà L.

[4.2] Các đương sự không thống nhất: Ông T và bà V có yêu cầu phản tố yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên TT bồi thường thiệt hại số tiền 64.900.000 đồng. Công ty TNHH Một thành viên TT không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của ông T, bà V vì Công ty TT không có gây thiệt hại cho ông T, bà V.

[4.3] Xét thấy, Công ty TNHH một thành viên TT được thành lập theo Quyết định số 3537/QĐ-UBND ngày 28/7/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An thành lập trạm bơm điện ấp T, NK, Giồng Dung, xã Hậu Thạnh Tây (gọi tắt trạm bơm điện 2000 Bắc). Ông Trần Văn T, bà Phùng Thị Cẩm V có liên kết và cũng sử dụng nước của trạm bơm từ năm 2012 đến năm 2019 trên diện tích đất 21.843m<sup>2</sup> tại ấp Giồng Dung, xã Hậu Thạnh Tây, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. Tại các biên bản hòa giải ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông T và bà V đều thừa nhận ông bà có diện tích đất 21.843m<sup>2</sup> và còn nợ tiền bơm nước của Công ty TNHH một thành viên TT từ năm 2012 đến năm 2019, số tiền là 38.367.349 đồng. Lý do vợ chồng ông không đóng tiền bơm nước vì lúc đầu vợ chồng ông không ký tên vào hợp đồng vô đề bao khép kín vì có chiếc xuồng 38 tấn đi mua lúa nên sợ vô ra đập không được nên vợ chồng ông phải đậu xuồng ngoài đập Kênh Cò. Vì nhà xa không có người trông giữ nên bị mất cắp tài sản là 02 cái bình điện 150 AB và 60 lít dầu chạy máy, một số đồ dụng cụ máy.

Nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên TT do bà Nguyễn Thị Thu L là người đại diện có cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm bản chiết tính nợ tiền bơm nước của ông T, bà V tính đến ngày 17/7/2019 là 38.367.349 đồng và các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh điều chỉnh giá tiền bơm nước hàng năm (từ năm 2011 đến năm 2015), không phải do Công ty TNHH một thành viên TT tự ý điều chỉnh giá thu tiền bơm nước các trạm bơm điện. Các hộ dân cùng sử dụng trạm bơm điện của Công ty TNHH một thành viên TT là ông Trần Văn H, ông Phạm Tùng N, ông Trần Văn V đều xác định lượng nước tưới tiêu đầy đủ, không làm ảnh hưởng đến việc sản xuất lúa trong khu vực trạm bơm. Như vậy, Công ty TNHH một thành viên TT yêu cầu ông T và bà V hoàn trả cho Công ty số tiền 38.367.349 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên TT là có căn cứ.

[4.4] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 64.900.000 đồng của ông T, bà V, gồm: do chủ đầu tư đóng đập, đến ngày đi chở lúa ông T, bà V không đem xuồng ra được, cận ngày không thể mướn xuồng khác chở lúa nên ông T, bà V phải chịu mất tiền cọc 40.000.000 đồng. Ngoài ra, ông T, bà V còn mất 07 hợp đồng chở lúa mướn, một chuyến 3.000.000 đồng, thành tiền là 21.000.000 đồng; tiền 02 cái bình bị mất 3.000.000 đồng; 60 lít dầu là 900.000 đồng. Ông T và bà V cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận ngày 12/01/2020, nội dung từ năm 2013 đến năm 2014 ghe của ông bà có đậu trong đê có sửa đập đầu trên cống Biện Minh, ghe ông bà không ra được 40 ngày nhưng không thể hiện có thiệt hại xảy ra, chỉ có chữ ký của 4 người hàng xóm cùng cư ngụ tại ấp Giồng Dung ký xác nhận chữ ký.

Ngoài ra, ông Trần Văn T có cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm hợp đồng mua lúa ngày 22/12/2013 giữa ông Huỳnh Ngọc Q và bà Phùng Thị Cẩm V có nội dung: “Bên bán Huỳnh Ngọc Q có hợp đồng bán lúa cho bà Phùng Thị Cẩm V, giống lúa 4900, số công 200 công, giá bán 4800 (Bốn ngàn tám trăm đồng), ngày cắt 8, 9, 10; ngày nhận 9, 10, và 11 tháng 01/2014 âm lịch, có nhận cọc 40.000.000 (Bốn mươi triệu chẵn) với điều kiện lúa phải sạch, đẹp. Nếu trời mưa thì ngưng cắt, đến khi khô mới bắt đầu cắt lại, nếu lúa ướt phải thương lượng lại giá cả. Nếu không bên bán phải trả cọc lại cho bên mua, nếu bên mua ngày cân lúa không cân kể như mất cọc”. Tại Đơn xin xác nhận của ông Huỳnh Ngọc Q có nội dung: ...“Đông Xuân năm 2013 – 2014, chúng tôi có ký hợp đồng bán cho cô Phùng Thị Cẩm V. Địa chỉ thường trú ấp Giồng Dung, xã Hậu Thạnh Tây, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, tất cả số lúa thu hoạch được của 20 ha (hai mươi). Theo hợp đồng, cô Phùng Thị Cẩm V đã đặt cọc cho chúng tôi số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và thời gian cân lúa là 03 (ba) ngày sau khi lúa cắt. Tuy nhiên, sau khi cắt lúa nhiều ngày mà cô V không đến cân lúa như hợp đồng đã ký. Sau nhiều ngày để lúa ngoài mưa nắng, chúng tôi phải bán hết số lúa nói trên cho người khác với giá thấp hơn hợp đồng bán cho cô V. Do đó chúng tôi phải lấy số tiền mà cô Vân đã đặt cọc để bù vào cho chênh lệch giá. Lý do: Làm cơ sở để cho cô Phùng Thị Cẩm V thanh toán lại với các đối tác khác”... Đơn của ông Huỳnh Ngọc Q được Ủy ban nhân dân xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An chứng thực vào ngày 16/12/2019. Nội dung đơn không thể hiện ông T, bà V đã bồi thường thiệt hại cho ông Q số tiền 40.000.000 đồng theo hợp đồng mua bán lúa ngày 22/12/2013.

Ông Trần Văn T và bà Phùng Thị Cẩm V cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm các khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại tổng số tiền 64.900.000 đồng (BL số 73) do ông T và bà V tự kê khai, không có chứng cứ nào thể hiện ông T và bà V bị thiệt hại như đã nêu trên.

Nguyên đơn - Công ty TNHH Một thành viên TT cung cấp cho Tòa án Đơn xin xác nhận về việc ghe mua lúa của ông Trần Văn T. Nội dung đơn xác nhận có ông Trần Văn U và ông Hà Thanh T chứng kiến: ông Trần Văn U, sinh năm 1972 xác nhận có biết ghe mua lúa của ông Trần Văn T đậu ở đầu đất của ông năm 2012 – 2013, không bị thiệt hại việc mua bán lúa; ông Hà Thanh T ở Kinh 2000 Bắc có ghe mua bán, thời gian đầu đậu ghe ngoài đê sau đó đậu trong đê, không có thiệt hại. Đơn xác nhận của ông Trần Văn T được Ủy ban nhân dân xã Hậu Thạnh Tây ký xác nhận chữ ký vào ngày 19/3/2020. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Thu L cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm Thông báo số 02/TB.CtyTT ngày 12/01/2014 Thông báo về việc sửa chữa đập hồ Trạm bơm điện kênh 2000 bắc, thời gian sửa chữa đập hồ từ ngày 15/01/2014 đến ngày 15/02/2014. Trong thời gian sửa chữa, mọi phương tiện, xuồng ghe không được lưu thông qua đập. Bà con lưu thông qua đập đầu dưới giáp kênh Cò Lớn. Những phương tiện xuồng ghe quá khổ, bà con sắp xếp neo đậu bên ngoài trong thời gian sửa chữa đập, tài sản bà con tự bảo quản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh

việc Công ty TNHH một thành viên TT sửa chữa đập hở Trạm bơm điện kênh 2000 bắc gây thiệt hại cho ông T, bà V số tiền 64.900.000 đồng. Mặt khác, theo Thông báo số 02/TB.CtyTT ngày 12/01/2014 của Công ty TNHH một thành viên TT, thời gian sửa chữa đập là 01 tháng, thông báo có trước thời gian sửa chữa đập 15 ngày; ông T, bà V và các hộ dân trong Trạm bơm điện kênh 2000 bắc đều biết việc Công ty TT sửa chữa đập theo Thông báo. Vì vậy, ông T và bà V sẽ chủ động được thời gian để sắp xếp ghe chở lúa. Bà Nguyễn Thị Thu L không đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông T, bà V vì Công ty TNHH một thành viên TT không gây thiệt hại cho ông T, bà V. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cũng không cung cấp được chứng cứ là có thiệt hại xảy ra đối với hợp đồng mua bán lúa với ông Huỳnh Ngọc Q dẫn đến việc vợ chồng ông phải bồi thường cho ông Q số tiền 40.000.000 đồng tiền cọc và các thiệt hại khác như bị mất 07 hợp đồng chở lúa mướn là 21.000.000 đồng, tiền cái bình của ghe bị mất là 3.000.000 đồng và 60 lít dầu bị mất trị giá 900.000 đồng. Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông T và bà V là không có căn cứ nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong vụ án này, ông Trần Văn T và bà Phùng Thị Cẩm V có yêu cầu phản tố yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên TT bồi thường thiệt hại số tiền 64.900.000 đồng, cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết yêu cầu này của ông T, bà V. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” trong bản án sơ thẩm là thiếu sót. Mặt khác, nguyên đơn là Công ty TNHH một thành viên TT do ông Trần Văn T là người đại diện hợp pháp theo pháp luật. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Trần Văn T là bà Nguyễn Thị Thu L. Tuy nhiên, tại phần nhận định của Tòa án sơ thẩm (trang 4) ghi: “Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L” là không chính xác. Tại phần quyết định của bản án (mục 5, về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch), Tòa án cấp sơ thẩm tuyên: “Ông Trần Văn T không phải chịu án phí...” là không chính xác. Nhận thấy, cấp sơ thẩm có sai sót nhưng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, cấp phúc thẩm khắc phục được nên bổ sung trong bản án phúc thẩm. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm đối với những sai sót trên. Xét thấy, chỉ cần bổ sung thêm quan hệ pháp luật tranh chấp và điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp với quy định của pháp luật, không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 288, 357, 513, 515, 518, 519 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên TT.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn T và bà Phùng Thị Cẩm V đối với số tiền bồi thường thiệt hại là 64.900.000 đồng.

3. Buộc ông Trần Văn T và bà Phùng Thị Cẩm V liên đới hoàn trả cho Công ty TNHH Một thành viên TT tổng số tiền là 38.367.349 đồng.

4. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi 10%/năm của số tiền còn phải thi hành án tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Trần Văn T và bà Phùng Thị Cẩm V phải chịu 5.163.567 đồng, được khấu trừ 1.622.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0000703 ngày 24/12/2019, ông T và bà V nộp tiếp 3.541.067 đồng sung ngân sách nhà nước

Công ty TNHH Một thành viên TT không phải chịu án phí nên được hoàn trả 939.183 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0000672 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000937 ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An sang thi hành án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.



**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đinh Thị Ngọc Yến**